

Khái quát đặc điểm của Hệ phái Khất sĩ Phật giáo Việt Nam

ISSN: 2734-9195 15:37 07/08/2026

Hệ phái còn mang những tư tưởng, tinh thần dân tộc to lớn, khi các bài kinh tụng đều được Việt hóa, phần nhiều là viết theo kiểu văn vần với lối Tam đoạn luận mà người Việt Nam rất ưa thích...

1. Sơ lược vài nét tương đồng và dị biệt của Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền

Trên nền tảng của Phật giáo Nguyên Thủy mà chia ra Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền. Cả hai truyền thống Phật giáo đều thờ chung một đấng giáo chủ là đức Phật Thích Ca và đều tuân theo những giới luật mà Phật đã dạy. Tuy nhiên, tùy theo căn cơ, trình độ, tâm lý, phong tục và ảnh hưởng văn hóa đời sống của dân chúng có khác nhau mà phương pháp tu tập, hành trì và sự phát huy giáo lý có điểm dị đồng.

Bắc truyền Phật giáo phần nhiều thiên về lối phát triển, hòa nhập, không câu nệ về hình thức, theo phương châm “tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên”; Nam phương thì lại có tính cách bảo thủ, không xê dịch, trung thành với lời Phật dạy một cách kính cẩn, không vì phương tiện, phong tục mà mất đi bản sắc, nguồn cội Phật xưa đã ấn định, giữ vững được nguyên thủy, nguồn gốc, tôn trọng hình thức. Nhưng cả hai truyền thống Phật giáo đều có chung con đường hành trì Giới-Định-Tuệ, hướng đến mục đích là khổ được vui, an định, thắng trí, niết-bàn.

Nhìn chung, Tăng chúng của Phật giáo Nam truyền đều phải thực hành pháp tu thiền định, lấy pháp tu thiền làm căn bản để phát triển tư tưởng chủ đạo của tông phái, giữ giới nghiêm khắc để đạt sự thanh tịnh, chung sống hòa hợp theo pháp lục hòa, lấy luật tạng làm nền tảng để trau dồi thân tâm, luôn đề cao tinh thần trách nhiệm truyền thừa mạng mạch của đạo pháp.

Phật giáo Bắc truyền quan niệm rằng mọi người đều có khả năng thành Phật. Thế nhưng để đạt đến quả vị ấy, mỗi người phải tự rèn luyện tu dưỡng đạo đức, trí tuệ, phẩm hạnh. Các phương pháp tu tuy có khác nhau nhưng đều có một lý

tưởng chung là đề cao vai trò phục vụ nhân sinh, giúp đời, giúp người. Do vậy, họ đưa ra những phương pháp tu tập, thực hành chú trọng vào “tinh thần vô ngã, sẵn sàng hi sinh bản thân mình vì lòng từ bi, và dẹp bỏ quyền lợi riêng của mình vì lợi ích của người khác”.



2. Đặc điểm của Hệ phái Khất sĩ Phật giáo Việt Nam

2.1. Nét đặc trưng của Hệ phái

Đạo Phật du nhập vào Việt Nam trên 2000 năm, đã đứng vững trong lòng dân tộc. Trong đó, Giáo hội Tăng già Khất Sĩ Việt Nam, ngày nay là Hệ phái Phật giáo Khất Sĩ là một tông phái Phật giáo thuộc Phật giáo Việt Nam và chỉ có ở Việt Nam. Hệ phái thành lập vào năm 1947 do đức Tổ sư Minh Đăng Quang, mang chí nguyện “Nối truyền Thích Ca Chánh pháp”. Tư tưởng này làm sống lại những hình ảnh du hành, khát thực và tư tưởng giải thoát của đạo Phật từ thời đức Phật còn tại thế.

Với chí nguyện và khả năng lĩnh hội được pháp Phật, sau bao năm tu học tại Campuchia và tự nghiên cứu ba tạng kinh điển của hai phái Nam tông và Bắc tông tại Việt Nam một cách thấu đáo, Tổ sư đã chắt lọc các tư tưởng trong giáo pháp của hai truyền thống Phật giáo này và rút ra được phương pháp tu riêng trên con đường tu tập và hành đạo, đó chính là tư tưởng “Nối truyền Thích Ca

chánh pháp - Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam”.

Tổ sư chính Ngài đã tự phát nguyện thọ giới Tỳ-kheo, giữ gìn và thực hành 250 giới cấm theo quy định về giới luật của Phật giáo Bắc tông theo bộ luật Đàm Vô Đức và lấy pháp hiệu Minh Đăng Quang mà không phải do một vị thầy Nam tông hay Bắc tông nào đặt cả. Bên cạnh đó, Ngài còn đưa ra cho Hệ phái Khất Sĩ một hình thức dung hoà giữa hai tông phái Nam tông và Bắc tông: Về y phục Ngài chọn hình thức tam y nhất bát, ăn nọ của Phật giáo Nam tông. Hình thức này giống như hình ảnh đức Phật thời cổ đại. Đồng thời Ngài cũng tiếp thu về cách ăn chay và thu nhận Ni giới xuất gia tu học của Phật giáo Bắc tông.

Về mặt tư tưởng pháp lý, Ngài đã cho ra đời bộ kinh Chơn Lý, gồm 69 bài giảng của Ngài bao gồm cả nội dung về kinh, luật, luận. Bộ Chơn Lý là sự tập hợp những bài thuyết giảng của Ngài dạy cho các đệ tử. Trong đó chứa đựng những pháp lý cao siêu, vừa tóm gọn được các tinh hoa của đạo Phật, rút ra cách nhìn nhận về vũ trụ quan, nhân sinh quan, công lý vũ trụ. Từ đó đưa ra những phương pháp tu tập như du hành, khất thực, thiền định, trên cơ sở giáo lý Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Tam Vô Lậu Học. Ngài giảng giải nghĩa lý bằng ngôn ngữ giản dị, mộc mạc, rõ ràng, cụ thể, không ẩn ngữ, trực tiếp diễn giải và lập luận rõ ràng vững chắc theo phương pháp Tam đoạn luận.

Chính sự giản dị, mộc mạc, thanh thoát, cao thượng trong pháp tu, trong pháp hành, trong sở đắc và đặc biệt trong cách giảng dạy cho hàng đệ tử, nên chỉ trong một thời gian ngắn, từ lúc khai lập Hệ phái (1947) đến lúc Ngài vắng bóng (1954), thế mà Ngài đã để lại cho môn đồ kho tàng tri thức tâm linh cao vời, tạo được gốc rễ truyền đạo vững vàng mà bao thế hệ truyền thừa sau phải thấm cảm phục, tưởng nhớ, tri ân. Đây là một đặc điểm nổi bật nhất và đáng tôn thờ nhất và cũng là niềm tự hào của cả Hệ phái.

Với cả nhiệt thành, vượt lên mọi thách thức trong giai đoạn đất nước chưa hòa bình, bao nỗ lực vì đạo pháp vì thế hệ mai sau. Tổ sư đã diệu dụng đem đạo vào đời, đưa đạo Phật đến gần với đời sống cộng đồng và dần dần khai đạo sáng từ trong chính đời sống thanh cao, gần gũi của quý Ngài. Hằng giúp tất cả lìa khổ đặng vui ngay trong đời sống thực tiễn của mỗi người. Do vậy, Hệ phái do Tổ sư Minh Đăng Quang sáng lập được truyền thừa hết sức mạnh mẽ và năng động ngay từ những ngày đầu khai mối đạo, và đã được truyền thừa cho thế hệ sau tiếp nối thế hệ trước bằng chính con đường chánh pháp mà Ngài đã khai dạy từ trong bộ Chơn Lý.

2.2. Đặc điểm tư tưởng hệ phái Khất Sĩ

Theo dòng chảy của đạo Phật, Hệ phái Khất Sĩ cũng kế thừa những tư tưởng phá mê khai ngộ, đoạn trừ tà kiến, phủ nhận uy quyền, thế lực của đẳng Phạm thiên, Đế Thích... hay bất kỳ vai trò của thần thánh nào. Tất cả phải tự là ngọn đèn của chính mình, tự mình quyết định sự sống của mình bằng con đường Chánh đạo thông qua lời Phật dạy.

Dựa vào giáo pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni đã để lại, Tổ Sư đã kế thừa và phát huy cho phù hợp với căn cơ, phong tục, trình độ của người hữu duyên với Ngài. Do vậy, nguồn tư tưởng của Hệ phái Khất Sĩ cũng không ngoài quỹ đạo với Phật giáo, nghĩa là vẫn sử dụng các phương pháp tu tập trong Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Tam vô lậu học... làm cơ sở lý luận để phát triển tư tưởng.

Nếu như trong phương pháp tu tập, Phật giáo Bắc Tông đề cao vai trò phục vụ, tinh thần lợi tha, đặt vị trí con người lên hàng đầu, làm lợi cho người, đem hạnh phúc đến cho mọi người thì cũng chính là lúc tự làm cho chúng ta an lạc “phục vụ chúng sinh là cúng dường chư Phật”, hay trong pháp tu của Phật giáo Nam tông đề cao vai trò thiền định, tinh thần tự lợi, vì quan niệm rằng khi tự lợi vẹn tròn thì phần lợi tha rất có hiệu quả, làm cho lòng tin nơi con người mang tính thuyết phục cao, thì ở Phật giáo Khất Sĩ đề ra phương pháp du hành khất thực và thuyết pháp ở khắp nơi trong khuôn khổ có thể; lấy Tứ Phần Luật Tỳ Kheo làm nền tảng hành trì, là hệ thống căn bản, làm rường cột cho Tăng đoàn theo lý tưởng chung “Nên tập sống chung tu học”. Điều này được biểu hiện qua bản thể hoà hợp của Tăng chúng, nó có tác dụng vẹn toàn và nêu cao tinh thần hoà hợp, giữ một vị trí quan trọng như Kinh Pháp Cú, phẩm Phật Đà, dạy:

“Vui thay Tăng hoà hợp

Hòa hợp tu vui thay”[1]

Lục hoà còn biểu hiện ở tinh thần từ bi, hỷ xả. Tinh thần hoà hợp trong một tập thể chỉ thực sự có được khi mỗi người trong cộng đồng thật sự thông cảm thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau. Biểu hiện của tinh thần này là chân như pháp tánh, có công dụng vô phân biệt, sống trong tinh thần bình đẳng. Đức Phật đề cao tinh thần nên tập sống chung tu học nhằm mục đích để hàng đệ tử Phật theo đó hành trì thì sẽ làm cho Phật pháp được trường tồn, nhân sinh an lạc hạnh phúc, tăng trưởng đạo tâm trong chánh pháp. Bên cạnh đó, lấy phương pháp thiền định làm chủ yếu vì thiền định giúp cho con người thân tâm thanh tịnh, an lạc hạnh phúc. Với pháp môn tu du hành, gìn giữ giới luật tinh nghiêm, đoàn kết, hòa hợp trong Tăng đoàn, thiền tập dưới gốc cây, lấy trời làm màn, đất làm chiếu, không có tài sản, vô gia cư, sống đời phạm hạnh, giản dị, gần gũi dễ hòa nhập vào cuộc sống với người dân. Khi đi thuyết pháp và khất thực thì người nghe, người cúng dường được phước, thỏa mãn về phần tâm linh, còn vị

tu sĩ thì hưởng được của cúng dường để nuôi thân, đó chính là lý tưởng lợi người lợi mình, xin để mà cho, nhận để mà dạy, chứ không cầu ăn ngon, mặc đẹp. Người Khất Sĩ quan niệm “ăn không cầu no, ở không cầu yên, chỉ cần chăm lo trau dồi đức hạnh, làm gương quý báu cho đời, vì con người thể chịu thiếu kém về sự ăn mặc hoặc chỗ ở, vật chất còn có thể sống được, chớ thiếu đạo đức trí tâm ắt sẽ phải khổ nạn chết hết” [2].

Với phương pháp du hành để thuyết pháp và hóa duyên như thời đức Phật còn tại thế như vậy, Tổ sư muốn làm sống lại những hình ảnh và mục đích độ sinh như thời đức Phật thì người tu sĩ theo truyền thống Khất Sĩ phải có phẩm hạnh, để khi dân chúng, tín đồ nhìn vào thấy Tăng như thấy Phật. Muốn vậy người tu sĩ phải nghiêm trì giới luật, phải có phẩm hạnh thanh cao, sở học tốt, pháp Phật am tường. Vì thế, trong Luật, nghi Khất Sĩ Tổ sư thường nhắc nhở chư đệ tử: “Một người thay mặt cho Phật thật không phải dễ, mỗi cách hành động như đi đứng nằm ngồi, ăn mặc nói làm mỗi cách cư xử đều phải giống như Phật, cho đặng thiện tín, hễ thấy Tăng cũng như thấy Phật. Tăng chúng giữ giới, tướng mạo trang nghiêm, ở ăn theo Phật, thì sẽ khêu gợi được lòng tín ngưỡng của bá tánh”[3].

Hệ phái Khất Sĩ chú trọng con đường hành đạo, một phần dẹp bỏ bản ngã tự cao, tự đại, phải xin vật chất để nuôi thân mạng, xin giáo pháp, kinh nghiệm trong cuộc sống để trưởng dưỡng trí tuệ, phải biết đủ trong mọi hoàn cảnh, gắn chặt với đạo pháp, với lý tưởng sống chung tu học, hòa hợp với cộng đồng, làm lợi người, lợi mình, sống trong giới luật, thiền định an trú trong chánh pháp, khi đó an lạc sẽ hiện hữu mà không phải tìm kiếm đâu xa.

Nhìn chung, hệ phái Khất Sĩ về mặt hình thức cơ cấu tổ chức có khác so với hai tông phái Nam truyền và Bắc truyền, nhưng bắt nguồn từ Tam vô lậu học (Giới-Định-Huệ), lập tông chỉ “Nối truyền Thích Ca chánh pháp”, trùng tuyên chánh pháp, theo phương châm:

“Đạo của sống là xin nhau sống chung

Đạo của biết là xin nhau học chung

Đạo của linh là xin nhau tu chung.”[4]

Với hình ảnh y bát chơn truyền, du hành khất thực trở nên sinh động, đặc biệt là chư Ni tu theo Phật giáo ở Việt Nam cũng được trì bình khất thực như chư Tăng. Điều này chỉ được thể hiện ở Phật giáo Khất Sĩ Việt Nam. Tùy nhân duyên mà hoá độ chúng sanh, tông chỉ tu học của Phật giáo Khất Sĩ là bình đẳng, không phân biệt sang giàu, Bắc Nam với mục đích cứu cánh là đưa tất cả mọi người

đến quả vị giải thoát, thoát khỏi sinh tử luân hồi. Cho nên khi đến với Phật giáo Khất Sĩ cũng chính là đến với mọi tông phái, đến nguồn cội của đạo Phật. Đức Tổ sư Minh Đăng Quang đã góp phần cùng chư tôn đức trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam, để đưa đạo vào đời, đem ánh sáng từ bi, trí tuệ làm tốt đạo đẹp đời. Như trong kinh Pháp Bảo Đàn, Ngài Lục Tổ Huệ Năng dạy:

“Phật pháp tại thế gian

Bất ly thế gian giác

Ly thế mích bồ đề

Do như cầu thố giác” [5]

Nghĩa là:

Phật pháp ở thế gian,

Không rời thế gian giác,

Rời thế tìm Bồ-đề,

Giống như cầu sừng thỏ.

3. KẾT LUẬN

Ngay khi thành lập, Hệ phái mau chóng và không ngừng ăn sâu, bám gốc vào lòng nhân dân vùng Nam nước Việt. Sự thành công của Phật giáo Khất Sĩ được thể hiện rõ nét, thông qua quá trình hành đạo rộng lớn. Chỉ trong thời gian không lâu, Phật giáo Khất Sĩ đã đi qua hầu hết các tỉnh miền Nam trong thời Tổ sư Minh Đăng Quang. Về sau, sự đóng góp to lớn hơn khi Phật giáo Khất Sĩ trở thành thành viên chính thức trong 9 tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Hệ phái còn mang những tư tưởng, tinh thần dân tộc to lớn, khi các bài kinh tụng đều được Việt hóa, phần nhiều là viết theo kiểu văn vần với lối Tam đoạn luận mà người Việt Nam rất ưa thích... Sự thừa nhận pháp lý, pháp nhân cho Phật giáo Khất Sĩ là điều kiện, cơ hội và là thách thức cho quá trình hội nhập tiếp bước cùng hai tông phái truyền thống là Nam tông và Bắc tông.

Đường lối “Nổi truyền Thích Ca Chính pháp” của Phật giáo Khất Sĩ Việt Nam nhằm tiếp nối tư tưởng giải thoát của đức Phật ngày xưa, luôn chiếm được vai trò quan trọng trong tư tưởng. Do vậy, dù Hệ phái chỉ mới hình thành (1947) nhưng đã phát triển từ miền Trung ra miền Bắc vào cuối miền Nam Việt Nam, và ra cả hải ngoại như Mỹ, Canada, Úc, Pháp... và tinh thần “Cái sống là phải sống chung; cái biết là phải học chung và cái linh là phải tu chung” đã thấm

nhuần trong xương tủy của hàng đệ tử trong Hệ phái. Chính những đặc điểm này đã làm cho Phật giáo Khất Sĩ ngày càng phát triển và có thể sánh vai cùng với các truyền thống lớn của Phật giáo.

Tác giả: **Ni sư Cảnh Liên**

Nguồn link: **<https://nigioikhatsi.net/su-he-phai/khai-quat-dac-diem-cua-he-phai-khat-si-phat-giao-viet-nam.html>**

[1]. Kinh Pháp Cú, câu 194 .

[2]. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hệ phái Khất Sĩ, Chơn Lý- Luật Nghi Khất Sĩ, Nxb TP.HCM, 1998, tr. 96.

[3]. Sđd, tr.109.

[4]. Tổ Sư Minh Đăng Quang, Chơn Lý.

[5]. Kinh Pháp Bảo Đàn